

PHỤ LỤC I

SÁCH NHÀ NƯỚC

PHU LUC D

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27,200	10,880	27,200	10,880	27,200	10,880	27,200	10,880
12	Thu tiền sử dụng đất	77,258	18,503	127,258	38,503	77,258	18,503	243,370	84,947
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước								
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)								
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản								
16	Thu khác ngân sách	110	22	110	22	110	22	110	22
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	525	525	525	525	525	525	525	525
II	Thu viện trợ								
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang								
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187	121,187
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên								

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG HƯNG ĐẠO



PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2026 CỦA PHƯỜNG HƯNG ĐẠO

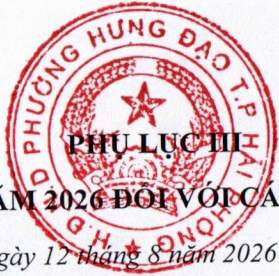
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Hưng Đạo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 theo NQ số 19/NQ-HĐND ngày 24/12/2025		Điều chỉnh kỳ này		Chênh lệch (+) (-)
		Thành phố giao	HĐND phường giao	Thành phố giao	HĐND phường giao	
A	B	1	2	3	4	5=4-3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	234,732	234,732	234,732	301,176	66,444
I	Chi đầu tư phát triển	18,503	18,503	18,503	84,947	66,444
1	Chi đầu tư cho các dự án					
	Trong đó:					
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
1.2	Chi khoa học và công nghệ					
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình					
1.4	Chi văn hóa thông tin					
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
1.6	Chi thể dục thể thao					
1.7	Chi bảo vệ môi trường					
1.8	Chi các hoạt động kinh tế					
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
1.10	Chi bảo đảm xã hội					
2	Chi đầu tư phát triển khác					

II	Chi thường xuyên	211,626	211,626	211,626	211,626	0
	<i>Trong đó:</i>			0	0	0
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	110,497	110,497	110,497	110,497	0
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	5,872	5,872	5,872	5,872	0
3	Chi khoa học và công nghệ	390	390	390	390	0
4	Chi y tế, dân số và gia đình	4,365	4,365	4,365	4,365	0
5	Chi văn hóa thông tin	4,937	4,937	4,937	4,937	0
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	350	350	350	350	0
7	Chi thể dục thể thao	405	405	405	405	0
8	Chi bảo vệ môi trường	3,419	3,419	3,419	3,419	0
9	Chi sự nghiệp kinh tế	13,880	13,880	13,880	13,880	0
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, HĐND	35,095	35,095	35,095	35,095	0
11	Chi bảo đảm xã hội	31,363	31,363	31,363	31,363	0
12	Chi khác	1,053	1,053	1,053	1,053	0
III	Dự phòng ngân sách	4,603	4,603	4,603	4,603	0
	TỔNG CHI (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	234,732	234,732	234,732	301,176	66,444
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tính cân đối	5,126	5,126	5,126	5,126	
	TỔNG CHI (Sau khi trừ TK 10% chi thường xuyên)	229,606	229,606	229,606	296,050	66,444

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG HƯNG ĐẠO



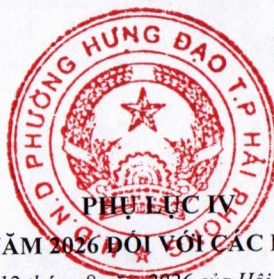
BIỂU ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Hưng Đạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán đã giao				Số đã chi đến 30/6/2026	Số dự toán còn lại	Điều chỉnh giảm dự toán	Dự toán sau điều chỉnh
		Dự toán giao theo NQ 19/NQ-HĐND ngày 24/12/2025	Bổ sung trong năm	Tiết kiệm chi ngân sách theo Nghị quyết 135/NQ-CP ngày 22/5/2026	Tổng cộng				
A	B	1	2	3	4=(1+2)-3	5	6	7	8=4-7
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	7,033,000,000	1,410,680,800	358,000,000	8,085,680,800	4,003,991,670	4,081,689,130	8,085,680,800	-
1.1	Chi sự nghiệp môi trường	2,800,000,000		285,000,000	2,515,000,000	1,249,050,000	1,265,950,000	2,515,000,000	
1.2	Chi sự nghiệp kinh tế	250,000,000	255,000,000	37,000,000	468,000,000	335,878,000	132,122,000	468,000,000	
1.4	Chi đảm bảo xã hội	1,500,000,000	172,600,000		1,672,600,000	172,600,000	1,500,000,000	1,672,600,000	
1.3	Chi quản lý nhà nước	2,483,000,000	983,080,800	36,000,000	3,430,080,800	2,246,463,670	1,183,617,130	3,430,080,800	
Tổng cộng		7,033,000,000	1,410,680,800	358,000,000	8,085,680,800	4,003,991,670	4,081,689,130	8,085,680,800	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG HUNG ĐẠO



PHỤ LỤC IV
BIỂU ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN CÓ ĐIỀU CHỈNH VỀ BIÊN CHẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Hưng Đạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đã giao				Số đã chi đến 30/6/2026	Số dự toán còn lại	Điều chỉnh giảm dự toán chi quản lý nhà nước	Điều chỉnh giảm chi quốc phòng	Dự toán còn lại
			Dự toán giao theo NQ 19/NQ-HĐND ngày 24/12/2025	Dự toán bổ sung trong năm	Tiết kiệm chi ngân sách theo Nghị quyết 135/NQ-CP ngày 22/5/2026	Tổng cộng					
A	B	1	2	3	4	5=(1+2+3)-4	6	7	8	9	10
1	Phòng Văn hoá - Xã hội	910,967,000	11,066,000,000	14,664,112,720	51,000,000	26,590,079,720	22,083,333,265	4,506,746,455	100,014,000		4,406,732,455
2	Văn phòng HĐND và UBND	1,850,000,000	16,029,000,000	7,772,728,187	30,000,000	25,621,728,187	15,013,642,389	10,608,085,798	158,762,000	86,025,000	#####
3	Trung tâm phục vụ hành chính công		1,756,000,000	693,722,016	57,000,000	2,392,722,016	1,572,379,624	820,342,392	173,675,000		646,667,392
Tổng cộng		2,760,967,000	28,851,000,000	23,130,562,923	138,000,000	54,604,529,923	38,669,355,278	15,935,174,645	432,451,000	86,025,000	15,416,698,645

PHỤ LỤC V
HÀNH LẬP MỚI VÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Hưng Đạo)

[illegible]